

CHÍNH PHỦ
Số: 10/2001/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH

Về điều kiện kinh doanh dịch vụ hàng hải

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nghị định này quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ hàng hải đối với những loại hình dịch vụ hàng hải dưới đây:

1. Dịch vụ đại lý tàu biển;

2. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
3. Dịch vụ môi giới hàng hải;
4. Dịch vụ cung ứng tàu biển;
5. Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá;
6. Dịch vụ lai dắt tàu biển;
7. Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng;
8. Dịch vụ vệ sinh tàu biển;
9. Dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển.

Điều 2. Doanh nghiệp được phép kinh doanh dịch vụ hàng hải tại Việt Nam

Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có đủ các điều kiện theo quy định của Nghị định này được phép kinh doanh các loại dịch vụ hàng hải nêu tại Điều 1 trên đây. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì vốn góp của Bên Việt Nam không dưới 51%, riêng đối với 2 loại dịch vụ: Dịch vụ đại lý tàu biển và Dịch vụ lai dắt tàu biển, chỉ các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư trong nước được phép kinh doanh.

Điều 3. Áp dụng pháp luật và điều ước quốc tế

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải phải tuân theo quy định của Nghị định này, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.
2. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Chương II

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Điều 4. Dịch vụ đại lý tàu biển

Dịch vụ đại lý tàu biển là dịch vụ thực hiện các công việc sau đây theo uỷ thác của chủ tàu:

1. Làm thủ tục cho tàu vào và ra cảng với các cơ quan có thẩm quyền;
2. Thu xếp tàu lai dắt, thu xếp hoa tiêu dẫn tàu, bố trí cầu bến, nơi neo đậu tàu để thực hiện việc bốc, dỡ hàng hoá, đưa, đón hành khách lên, xuống tàu;

3. Thông báo những thông tin cần thiết cho các bên có liên quan đến tàu, hàng hoá và hành khách, chuẩn bị các tài liệu, giấy tờ về hàng hoá và hành khách, thu xếp giao hàng cho người nhận hàng;
4. Làm các thủ tục hải quan, biên phòng có liên quan đến tàu và các thủ tục về bốc dỡ hàng hoá, hành khách lên, xuống tàu;
5. Thực hiện việc thu hộ, trả hộ tiền cước, tiền bồi thường, thanh toán tiền thưởng, phạt giải phóng tàu và các khoản tiền khác;
6. Thu xếp việc cung ứng cho tàu biển tại cảng;
7. Ký kết hợp đồng thuê tàu, làm thủ tục giao nhận tàu và thuyền viên;
8. Ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bốc dỡ hàng hoá;
9. Thực hiện các thủ tục có liên quan đến tranh chấp hàng hải;
10. Giải quyết các công việc khác theo ủy quyền.

Điều 5. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển

Dịch vụ đại lý vận tải đường biển là dịch vụ thực hiện các công việc sau đây theo ủy thác của chủ hàng:

1. Tổ chức và tiến hành các công việc phục vụ quá trình vận chuyển, giao nhận hàng hoá, vận chuyển hành khách và hành lý trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển hoặc hợp đồng vận tải đa phương thức;
2. Cho thuê, nhận thuê hộ phương tiện vận tải biển, thiết bị bốc dỡ, kho tàng, bến bãi, cầu tàu và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác;
3. Làm đại lý công-te-nơ (container).
4. Giải quyết các công việc khác theo ủy quyền.

Điều 6. Dịch vụ môi giới hàng hải

Dịch vụ môi giới hàng hải là dịch vụ thực hiện các công việc sau:

1. Làm trung gian trong việc ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hành khách và hành lý;
2. Làm trung gian trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm hàng hải;
3. Làm trung gian trong việc ký kết hợp đồng cho thuê tàu, hợp đồng mua bán tàu, hợp đồng lai dắt, hợp đồng thuê và cho thuê thuyền viên;

4. Làm trung gian trong việc ký kết các hợp đồng khác có liên quan đến hoạt động hàng hải do người ủy thác yêu cầu theo từng hợp đồng cụ thể.

Điều 7. Dịch vụ cung ứng tàu biển

Dịch vụ cung ứng tàu biển là dịch vụ thực hiện các công việc sau đây liên quan đến tàu biển:

1. Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn, lót, ngăn cách hàng;
2. Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, chăm sóc y tế, vui chơi, giải trí của hành khách và thuyền viên, tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên.

Điều 8. Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá

Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá là dịch vụ thực hiện kiểm đếm số lượng hàng hoá thực tế khi giao hoặc nhận với tàu biển hoặc các phương tiện khác theo ủy thác của người giao hàng, người nhận hàng hoặc người vận chuyển.

Điều 9. Dịch vụ lai dắt tàu biển

Dịch vụ lai dắt tàu biển là dịch vụ thực hiện các tác nghiệp lai, kéo, đẩy hoặc hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi khác trên biển hoặc tại vùng nước liên quan đến cảng biển mà tàu biển được phép vào, ra hoạt động.

Điều 10. Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng

Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng là dịch vụ thực hiện các công việc sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển khi tàu đỗ tại cảng.

Điều 11. Dịch vụ vệ sinh tàu biển

Dịch vụ vệ sinh tàu biển là dịch vụ thực hiện các công việc thu gom và xử lý rác thải, dầu thải, chất thải khác từ tàu biển khi tàu neo, đậu tại cảng.

Điều 12. Dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển

Dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển là dịch vụ thực hiện các công việc bốc, dỡ hàng hoá tại cảng theo quy trình công nghệ bốc, dỡ từng loại hàng.

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG HẢI